KẾ HOẠCH PHÂN BỔ CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Tên ngành: Tin học ứng dụng **Mã ngành: 5480205**

HỌC KỲ 1 (17 Tín chỉ)	HỌC KỲ 2 (17 Tín chỉ)	HỌC KỲ 3 (18 Tín chỉ)	HỌC KỲ 4 (17 Tín chỉ)
Tiếng Anh MH2072400, 3(0,3)	Giáo dục thể chất MH2109105, 1(0,1)	Lập trình Android cơ bản MĐ2012446, 3(1,2)	Thực tập tốt nghiệp MĐ2012449, 8(0,8)
Cơ sở dữ liệu MĐ2012444, 3(2,1)	Pháp luật MH2108103, 1(1,0)	Tiếng Anh chuyên ngành tin học MH2012401, 3(2,1)	**Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn thay thế (6TC)**
Xử lý ảnh MĐ2012442, 3(1,2)	Giáo dục chính trị MH2108019, 2(2,0)	Lập trình sự kiện trang Web MĐ2012443, 3(1,2)	Khóa luận tốt nghiệp MĐ2012450, 6TC
Mạng máy tính MH2012404, 4(2,2)	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu MH2012448, 3(2,1)	Quản trị mạng Windows Server MH2012407, 3(1,2)	Kỹ thuật dựng phim MĐ2012454, 3(1,2)
Tin học MH2101201, 2(1,1)	Lắp ráp và cài đặt máy tính MH2012406, 3(1,2)	Lập trình Windows cơ bản MĐ2012440, 3(2,1)	Lập trình Android nâng cao MĐ2012453, 3(1,2)
Giáo dục Quốc phòng và An ninh MH2109020, 2(1,1)	Kỹ thuật lập trình cơ bản MH2012441, 3(1,2)	Kỹ thuật lập trình nâng cao MĐ2012445, 3(1,2)	**Môn tự chọn (3TC)**
	Thiết kế Web MH2012447, 4(2,2)		Thiết kế đồ họa 2D MĐ2012452, 3(1,2)
			Lập trình Windows nâng cao MĐ2012451, 3(1,2)